

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST

Ngày 28 - 5 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Tấn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ngọc B, sinh năm 1983; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Tổ a, khu phố b, thị trấn C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm 1985; Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ a, khu phố b, thị trấn C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc B trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Đào Văn T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống thì cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Bà B đã cố hàn gắn mâu thuẫn gia đình để cho cuộc sống được tốt đẹp hơn, nhưng

không có kết quả. Vợ chồng bà đã sống ly thân được gần 03 năm. Hiện tại tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà B quyết định ly hôn với ông Đào Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung tên Đào Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009 và con tên Đào Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/10/2012. Các con Đào Ngọc A, Đào Ngọc Thảo N có nguyện vọng sống cùng bà, bà tôn trọng quyền quyết định của các con nên bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 10/01/2020, bị đơn ông Đào Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà B chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống là do tự nguyện. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng ông T, bà B rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, gây gổ. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, nếu bà B muốn ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Ông T và bà B có 02 con chung tên Đào Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009 và con tên Đào Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/10/2012. Các con đều đã lớn, ông T tôn trọng quyền quyết định của con. Nếu các con sống cùng ông T, ông T không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con sống cùng bà B, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn ông T tham gia phiên tòa nhưng ông không đến tham gia và đây là lần thứ hai ông vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phân thủ tục, phân tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Bà Đoàn Thị Ngọc B và ông Đào Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà B nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại bản tự khai ngày 10/01/2020, bị đơn ông T thừa nhận vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà B. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà B, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà B được ly hôn với ông T. Về con chung Đào Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009 và con Đào Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/10/2012 đều có nguyện vọng được sống cùng bà B, ông T cũng đồng ý để bà B nuôi dưỡng cháu Ngọc Anh, cháu Thảo Nhi theo nguyện vọng của cháu nên đề nghị HĐXX giao con chung Đào Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009 và con tên Đào Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/10/2012 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung,

nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đoàn Thị Ngọc B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Văn T và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn ông T hiện cư trú tại Tổ a, khu phố b, thị trấn C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đào Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đây là lần thứ hai ông T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc B và bị đơn ông Đào Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà B và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn ông T thừa nhận vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, hiện đã trầm trọng nên ông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đoàn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Đào Văn T.

[3] Về con chung: Bà B và ông T có hai con chung tên Đào Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009 và con tên Đào Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/10/2012. Cháu Ngọc Anh và cháu Thảo Nhi có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Bà B có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T tôn trọng nguyện vọng của con nên ông đồng ý với yêu cầu của bà B về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cháu Đào Ngọc A, cháu Đào Ngọc Thảo N, căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao cháu Đào Ngọc A, Đào Ngọc Thảo N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc B đối với bị đơn ông Đào Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.
2. Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Đào Văn T.
3. Về con chung:

Giao con chung Đào Ngọc A, sinh ngày 28/3/2009 và con Đào Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/10/2012 cho bà Đoàn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Ngọc B không yêu cầu ông Đào Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
5. Về án phí: Bà Đoàn Thị Ngọc B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026436 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- UBND TT. Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (Số 140/2008);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Chang